

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THƯƠNG MẠI TÂY NINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch
Ông Lê Văn Liêm	Phó chủ tịch
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên
Ông Trần Cảnh Lạc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sứ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Bình	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Phước Hồng	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2009

Số: /2009/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Chúng tôi chỉ được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán cho Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (Công ty mẹ) với tỷ trọng tài sản chiếm 52%, nợ phải trả chiếm 77%, nguồn vốn kinh doanh chiếm 49% và tổng doanh thu chiếm 61% so với các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các Công ty Kiểm toán độc lập khác tiến hành kiểm toán 02 Công ty con của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh là Công ty Cổ phần Khách sạn và Lữ hành Tây Ninh và Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh với tỷ trọng tài sản chiếm 48%, nợ phải trả chiếm 23%, nguồn vốn kinh doanh chiếm 51% và tổng doanh thu chiếm 39% so với các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các Công ty Kiểm toán đã phát hành 02 Báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần. Chúng tôi không thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết theo qui định liên quan đến Báo cáo tài chính các đơn vị chúng tôi không tiến hành kiểm toán.

Do chúng tôi được bổ nhiệm làm Kiểm toán viên cho Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (Công ty mẹ) sau ngày 31 tháng 12 năm 2008 nên chúng tôi không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Do bản chất của việc hạch toán kế toán, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của các tài sản này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính vì những hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Lê Xuân Thắng
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Ngày 28 tháng 02 năm 2009

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.900.762.556	43.387.208.728
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.758.530.157	17.740.955.342
1. Tiền	111		10.758.530.157	6.340.955.342
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.400.000.000
II. Các khoản phải thu	130		8.114.833.918	11.431.759.608
1. Phải thu khách hàng	131		1.882.567.515	6.828.228.393
2. Trả trước cho người bán	132		1.007.923.830	1.073.451.116
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	5.296.159.961	3.638.480.099
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(71.817.388)	(108.400.000)
III. Hàng tồn kho	140		15.120.914.889	10.799.084.371
1. Hàng tồn kho	141	V.3	15.120.914.889	10.799.084.371
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.906.483.592	3.415.409.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.596.682	218.688.614
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.559.142	186.594.724
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.4	342.345.001	14.590.791
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	2.498.982.767	2.995.535.278
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		101.338.645.682	88.274.306.356
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	121.620.000
4. Phải thu dài hạn khác	213		-	121.620.000
I. Tài sản cố định	220		37.065.149.959	51.903.965.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	36.056.091.107	46.385.087.960
- Nguyên giá	222		125.423.824.045	119.638.249.547
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.367.732.938)	(73.253.161.587)
3. Tài sản cố định vô hình	227		225.000.000	-
- Nguyên giá	228		225.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	784.058.852	5.518.877.292
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		62.092.003.408	34.422.895.588
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	7.310.725.585	6.332.040.456
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	54.781.277.823	28.090.855.132
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.181.492.315	1.825.825.516
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.082.323.123	1.825.825.516
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	99.169.192	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.239.408.238	131.661.515.084

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.542.078.047	19.454.192.408
I. Nợ ngắn hạn	310		19.783.909.893	18.849.506.646
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	2.638.443.604
2. Phải trả người bán	312		4.673.602.942	4.061.988.795
3. Người mua trả tiền trước	313		101.106.398	88.197.774
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	472.666.532	720.784.736
5. Phải trả người lao động	315		4.027.153.076	4.650.601.493
6. Chi phí phải trả	316		894.892.171	607.487.931
9. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	9.614.488.774	6.082.002.313
II. Nợ dài hạn	330		758.168.154	604.685.762
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	200.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	219.237.995
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		758.168.154	185.447.767
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.080.469.759	86.691.429.314
I. Vốn chủ sở hữu	410		63.549.343.338	67.616.082.338
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.14	45.702.089.498	45.702.089.498
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.14	6.316.834.188	1.348.894.077
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.14	411.230.972	287.790.719
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.14	11.119.188.680	12.480.458.303
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	7.796.849.741
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		18.531.126.421	19.075.346.976
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.181.367.964	949.273.047
2. Nguồn kinh phí	422		63.482.295	(8.013.006)
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423		17.286.276.162	18.134.086.935
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		35.616.860.432	25.515.893.362
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.239.408.238	131.661.515.084

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 2 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	123.939.945.631	99.432.948.295
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	204.643.525	190.506.491
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	123.735.302.106	99.242.441.804
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.665.593.838	62.453.909.011
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.069.708.268	36.788.532.793
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.706.594.507	7.248.282.568
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.111.861.631	146.061.385
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		199.082.986	146.061.385
8. Chi phí bán hàng	24		19.833.367.557	13.898.801.151
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.216.171.544	9.397.496.235
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.614.902.043	20.594.456.590
11. Thu nhập khác	31	VI.5	706.431.046	296.476.869
12. Chi phí khác	32	VI.6	7.188.687	2.280.900
13. Lợi nhuận khác	40		699.242.359	294.195.969
14. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		1.090.486.585	919.757.350
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.404.630.987	21.808.409.909
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	3.915.909.910	3.646.191.265
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(99.169.192)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.587.890.269	18.162.218.644
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		11.586.828.385	8.018.583.120
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		16.001.061.884	10.143.635.524
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	3.501	2.220

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2009

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.404.630.987	21.808.409.909
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.345.937.968	8.858.897.241
- Các khoản dự phòng	03	(36.582.612)	-
- Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.178.768.049)	-
- Chi phí lãi vay	06	199.082.986	224.694.231
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	39.734.301.280	30.892.001.381
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.988.397.482	(5.808.506.837)
- Tăng hàng tồn kho	10	(4.321.830.518)	(2.176.473.201)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	4.175.661.019	(1.180.551.643)
- Tăng chi phí trả trước	12	(101.405.675)	(606.896.131)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(199.082.986)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.066.072.494)	(3.095.180.710)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	496.552.511	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(9.992.528.254)	(4.855.311.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.713.992.365	13.169.081.272
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.514.110.858)	(866.400.362)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	17.600.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(52.000.000.000)	(42.780.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	52.000.000.000	39.283.800.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.124.100.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	(26.725.007.820)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.610.599.232	1.260.672.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.752.619.446)	(3.084.327.935)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.926.277.190
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.838.443.604)	(7.272.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.105.354.500)	(1.546.852.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.943.798.104)	(4.892.574.810)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(6.982.425.185)	5.192.178.527
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.740.955.342	12.548.776.815
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	10.758.530.157	17.740.955.342

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 2 năm 2009

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 259/QĐ/UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của UBND tỉnh Tây Ninh. Tiền thân của Công ty là Công ty Du lịch Tây Ninh thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 45030000065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu vào ngày 5 tháng 2 năm 2007.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 5 tháng 2 năm 2007, Vốn điều lệ của Công ty là : 45.702.100.000 đồng, tổng số Cổ phiếu là 4.570.209 với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là : 154 (2007: 151)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán và thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo

về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty mẹ và các Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có 02 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	
Địa chỉ	:	Xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	
Hoạt động chính:		Dịch vụ du lịch	
Điện thoại	:	066 3 624 139	Fax: 066 3 823 448
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/1008	:		16.779.310.430 VND
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	:		51%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:		51%

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Khách sạn và Lữ hành Tây Ninh	
Địa chỉ	:	210 Đường 30-4, Phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	
Hoạt động chính:		Dịch vụ du lịch	
Điện thoại	:	066 3 822 638	Fax : 066 3 822 345
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/1008	:		3.707.282.860 VND
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ :		53,87% (trong đó 51% trực tiếp, 2,87% gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh)	
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ :		53,87%	

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị

hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 24
Máy móc và thiết bị	04 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 14
Phương tiện vận tải	06 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn của khu nhà ở thuộc Khu dân cư Phường 4, Thị xã Tây Ninh và được trình bày theo nguyên giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kê toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và các khoản trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các

tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	671.551.827	740.496.981
Tiền gửi ngân hàng	10.086.978.330	5.600.458.361
Các khoản tương đương tiền	-	11.400.000.000
Cộng	10.758.530.157	17.740.955.342

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.304.833.333	2.793.384.667
Phải thu nhân viên tiền thuế thu nhập cá nhân	288.370.299	-
Cổ tức năm 2008 tạm chia	385.900.000	-
Lãi trái phiếu, công trái	18.105.556	-
Khoản phải thu khác	298.950.773	845.095.432
Cộng	5.296.159.961	3.638.480.099

3. Hàng tồn kho

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.934.971.385	1.982.013.927
Công cụ, dụng cụ	2.039.641.575	2.308.133.898
Hàng hóa	11.145.204.253	6.507.528.755
Hàng gửi đi bán	1.097.676	1.407.791
Cộng	15.120.914.889	10.799.084.371

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra nộp thừa	-	14.590.791
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	160.943.347	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	181.401.654	-
Cộng	342.345.001	14.590.791

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tạm ứng	589.368.375	634.476.617
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.598.585.025	2.050.029.294
Tài sản thiếu chờ xử lý	311.029.367	311.029.367
Cộng	2.498.982.767	2.995.535.278

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2008	58.633.866.513	50.896.834.492	6.339.754.050	1.394.511.322	2.373.283.170	119.638.249.547
Mua trong năm	110.517.481	86.288.104	42.857.143	39.549.783	56.200.000	335.412.511
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.208.639.474	1.479.877.313	-	-	-	5.688.516.787
Giảm trong năm	-	-	(193.400.000)	(44.954.800)	-	(238.354.800)
Tại ngày 31/12/2008	<u>62.953.023.468</u>	<u>52.462.999.909</u>	<u>6.189.211.193</u>	<u>1.389.106.305</u>	<u>2.429.483.170</u>	<u>125.423.824.045</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2008	24.746.131.023	43.816.644.667	2.569.443.630	865.280.334	1.255.661.933	73.253.161.587
Khấu hao trong năm	9.305.917.386	5.666.106.037	730.876.492	208.850.282	434.187.771	16.345.937.968
Giảm trong năm	-	-	(193.400.000)	(37.966.617)	-	(231.366.617)
Tại ngày 31/12/2008	<u>34.052.048.409</u>	<u>49.482.750.704</u>	<u>3.106.920.122</u>	<u>1.036.163.999</u>	<u>1.689.849.704</u>	<u>89.367.732.938</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2008	<u>33.887.735.490</u>	<u>7.080.189.825</u>	<u>3.770.310.420</u>	<u>529.230.988</u>	<u>1.117.621.237</u>	<u>46.385.087.960</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>28.900.975.059</u>	<u>2.980.249.205</u>	<u>3.082.291.071</u>	<u>352.942.306</u>	<u>739.633.466</u>	<u>36.056.091.107</u>

(*) Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: Nhà cửa vật kiến trúc 580.395.877 đồng; Máy móc thiết bị 33.200.000 đồng; Thiết bị quản lý 18.036.500 đồng; Tài sản cố định khác 239.115.428 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí xây dựng khu du lịch Núi Bà	597.081.451	5.374.149.105
Chi phí xây dựng cáp treo mới	177.215.206	130.405.267
Khu sân vườn Khách sạn	9.580.377	-
Các công trình khác	181.818	14.322.920
Tổng cộng	784.058.852	5.518.877.292

8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	2.648.543.316	2.740.988.708
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Tây Ninh	4.662.182.269	3.591.051.748
Cộng	7.310.725.585	6.332.040.456

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2008 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	31/12/2008		01/01/2008	
		Tỷ lệ đầu tư (%)	Gía trị đầu tư VND	Tỷ lệ đầu tư (%)	Gía trị đầu tư VND
Công ty CP Nước Khoáng Ninh Điền Tây Ninh	Tây Ninh	35,00%	2.648.543.316	35%	2.735.000.000
Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	Tây Ninh	36,26%	4.662.182.269	36,26%	3.591.051.748
Cộng:		71,26%	7.310.725.585	71,26%	6.326.051.748

9. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu	250.000.000	380.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	54.350.663.823	27.660.855.132
Đầu tư dài hạn khác	180.614.000	50.000.000
Cộng	54.781.277.823	28.090.855.132

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thay cáp tuyến cáp treo, máng trượt	823.146.228	57.942.315
Phí sơn sửa nhà ga, mở cửa trụ tháp cáp treo	69.161.594	138.323.190
Thuê đất dựng pano quảng cáo	11.137.500	22.737.500
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.178.877.801	1.606.822.511
Cộng	2.082.323.123	1.825.825.516

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2007	-	186.452.435	186.452.435
Phát sinh trong năm	-	32.785.560	32.785.560
Tại ngày 01/01/2008	-	219.237.995	219.237.995
Phát sinh trong năm	99.169.192	-	99.169.192
Hoàn nhập trong năm	-	(219.237.995)	(219.237.995)
Tại ngày 31/12/2008	99.169.192	-	99.169.192

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất:

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	219.237.995
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	99.169.192	-

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Thuế giá trị gia tăng	185.097.603	75.427.696
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13.586.830	18.620.513
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.580.880	147.277.130
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.714.213
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	313.534.200
Các khoản phí, lệ phí	207.401.219	156.210.984
Cộng	472.666.532	720.784.736

13. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Bảo hiểm xã hội	229.805.198	16.653.179
Bảo hiểm y tế	-	2.058.397
Kinh phí công đoàn	110.297.356	159.245.310
Ký quỹ cho thuê mặt bằng	21.708.232	-
Phải trả về cổ phần hoá - Cty Du Lịch Tây Ninh	-	3.920.238.705
Phải trả cổ tức	5.149.708.500	-
Các khoản phải trả khác	4.102.969.488	1.983.806.722
Cộng	9.614.488.774	6.082.002.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2007	45.702.089.498	464.250.277	66.937.088	1.191.893.482	47.425.170.345
Tăng khác trong năm	-	884.643.800	220.853.631	1.144.929.297	2.250.426.728
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	10.143.635.524	10.143.635.524
Tại ngày 31/12/2007	45.702.089.498	1.348.894.077	287.790.719	12.480.458.303	59.819.232.597
Tại ngày 01/01/2008	45.702.089.498	1.348.894.077	287.790.719	12.480.458.303	59.819.232.597
Điều chỉnh số dư đầu năm nay	-	(491.349.374)	(19.857.281)	-	(511.206.655)
Số dư đầu năm nay sau điều chỉnh	45.702.089.498	857.544.703	267.933.438	12.480.458.303	59.308.025.942
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	27.587.890.269	27.587.890.269
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	10.665.885.095	158.857.722	(10.824.742.817)	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	(7.337.915.500)	(7.337.915.500)
Giảm trừ lợi nhuận của cổ đông thiểu số	-	-	-	(11.586.828.385)	(11.586.828.385)
Giảm do điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số	-	(5.206.595.610)	(15.560.188)	6.827.384.883	1.605.229.085
Giảm khác trong năm	-	-	-	(2.614.631.479)	(2.614.631.479)
Giảm do điều chỉnh nội bộ khi hợp nhất	-	-	-	(3.412.426.594)	(3.412.426.594)
Tại ngày 31/12/2008	45.702.089.498	6.316.834.188	411.230.972	11.119.188.680	63.549.343.338

(*) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị, Công ty tạm chia cổ tức năm 2008 với tỷ lệ là 8,8%/cổ phần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.544.230.000	35.544.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.157.859.498	10.157.859.498
Cộng	45.702.089.498	45.702.089.498

c. Cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	-	-
+ Cổ phiếu thường	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.939.945.631	99.432.948.295
Các khoản giảm trừ doanh thu	204.643.525	190.506.491
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	204.643.525	190.506.491
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	123.735.302.106	99.242.441.804

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	75.665.593.838	62.453.909.011
Cộng	75.665.593.838	62.453.909.011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.185.756.232	4.500.432.844
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.244.843.000	384.243.333
Lãi phát sinh do đánh giá lại tỷ giá	6.940.738	1.493.386
Doanh thu từ cho thuê mặt bằng	3.269.054.537	2.362.113.005
Cộng	12.706.594.507	7.248.282.568

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí lãi vay	199.082.986	146.061.385
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	851.456.684	-
Chi phí tài chính khác	61.321.961	-
Cộng	1.111.861.631	146.061.385

5. Thu nhập khác

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	100.454.545	-
Thu bán vật tư, phế liệu thu hồi	26.942.180	-
Các khoản thu khác	579.034.321	296.476.869
Cộng	706.431.046	296.476.869

6. Chi phí khác

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí khác	7.188.687	2.280.900
Cộng	7.188.687	2.280.900

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.915.909.910	3.646.191.265
<i>Trong đó:</i>		
Công ty Cổ phần Du lịch Tây Ninh	-	782.600.000
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	3.594.590.458	2.583.540.784
Công ty Cổ phần Khách sạn và Lữ hành Tây Ninh	321.319.452	280.050.481

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	16.001.061.884	10.143.635.524
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.570.209	4.570.209
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.501	2.220

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Thu nhập của Ban Giám đốc*

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lương và các khoản thưởng	729.119.592	524.282.254

2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Tài chính DNP. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2009

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng